

TẠ THU THÂU: TỪ QUỐC GIA ĐẾN QUỐC TẾ

Tác Giả: NGUYỄN VĂN ĐÍNH

Tác Giả Và Tác Phẩm

Người đọc sách: Nguyễn Văn Trần

I.- Giới thiệu về Quyển sách

Tôi đón nhận quyển sách **TẠ THU THÂU TỪ QUỐC GIA ĐẾN QUỐC TẾ** của tác giả Nguyễn Văn Đính, do các con của ông tận tay trao tặng với những cảm tình vô cùng quý báu: *“Tất cả các em, con của Nguyễn Văn Đính, thương tặng anh Trần như người anh của tụi em, Út và các anh chị”*.

Món quà tặng bằng sách vở tự nhiên là quý giá đối với người yêu sách. Cách trao tặng đầy ấp cảm tình nồng nhiệt lại nâng cao giá trị món quà trở thành vô giá cho người nhận.

Tôi phải viết những dòng này để bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với các em, con của Bác Tư, tác giả quyển sách. Và viết về quyển sách sau khi đã đọc qua còn để bày tỏ lòng tưởng niệm đối với tác giả.

- Ấn bản đầu tiên

Quyển **TẠ THU THÂU Từ Quốc Gia Đến Quốc Tế** là một ấn phẩm xuất bản lần đầu tiên năm 1939 tại Sài Gòn. Sách dày 96 trang do nhà in Đông Phương, số 125 rue de Cây Mai, Chợ lớn, in xong ngày 18 avril (tháng 4) năm 1939, một ngàn quyển trên giấy thường và 50 quyển trên giấy *blanc neige* (bạch tuyết), nặng 30kg, đánh số từ 1 đến 50, không bán. Sách nộp bản ngày 22/4/39 (*người nhận nộp bản ghi bằng bút mực*). Giá bán mỗi quyển là 0\$ 30 (*đồng bạc Đông Dương*).

Những chi tiết này viết lại để gợi ký ức của độc giả lớn tuổi về một thuở sinh hoạt sách báo, in ấn, giá thị trường của Sài Gòn. Đồng thời, những chi tiết này tưởng cũng giúp cho độc giả thuộc thế hệ sau chiến tranh có ý niệm sơ đẳng về tình trạng xã hội Nam kỳ lúc bấy giờ.

Quyển **TẠ THU THÂU Từ Quốc Gia Đến Quốc Tế** chỉ được ra mắt độc giả Việt Nam một lần duy nhất. Sau đó, sách bị nhà cầm quyền thực dân Pháp cấm, nên không được tái bản. Và ngày nay, sách vẫn bị nhà cầm quyền cộng sản hà nội ngăn cấm.

- Ấn bản mới

Năm 2005, các con của tác giả tình cờ tìm lại được, do một sử gia người Pháp lưu giữ và đã cho in lại một số rất ít, trên giấy thường, chỉ nhằm mục đích phổ biến trong phạm vi thân hữu.

Quyển sách tuy tái xuất hiện dưới dạng khiêm tốn nhưng đã động viên được cảm tình nồng nhiệt của đồng đảo thân hữu và đặc biệt là Trường Trung Học Janson de Sailly, Paris 16, nơi tác giả là học sinh vào thập niên 20. Ban Giám đốc, Hội Ái Hữu cựu học sinh của trường đã cho mượn phòng ốc, phụ tổ chức và cùng tham dự buổi giới thiệu quyển sách được tái bản.

Hôm 4 tháng 11 vừa qua, các con của tác giả tổ chức tại trụ sở của Hội Ái Hữu Kỹ sư Centraliens, Paris 8, một buổi giới thiệu ấn phẩm mới, do nhà xuất bản Hải Mã ở TX, Huê kỳ, xuất bản (*Giám đốc nhà xuất bản Hải Mã là Bác sĩ Trần Nguơn Phiêu, nguyên Tổng trưởng xã hội trong Chánh phủ Sài Gòn trước 75, e-mail: phieutran@sbcglobal.net*). Sách dày 142 trang do nhà in Cal, ở California, Huê kỳ, in với bìa ba màu rất trang nhã, có thêm phụ bản Thơ của Điền Nguyên, tức tác giả, và bài

điều tra về cái chết của Tạ Thu Thâu, do sử gia Hoàng Ngọc Thành, nguyên giáo sư tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn thực hiện, có những khám phá mới rất thuyết phục. Giá bán ghi 12\$US.

II.- Về tác giả Nguyễn văn Đính

- Thời học sinh tranh đấu

Ông tên thật là Nguyễn văn Đính, sanh năm 1907 tại xã Long Điền, Quận Giá Rai, Bạc Liêu. Lúc nhỏ, ông học tại nhà, do thân phụ rước thầy về dạy, vừa học chữ quốc ngữ vừa chữ tây.

Lớn lên, ông lên Sài Gòn theo học trường Nguyễn Phan Long. Lúc này, ông đã bắt đầu tham gia phổ biến báo La Cloche Fêlée (Chuông Rè) của ông Nguyễn An Ninh. Năm 1927, ông qua Paris học nội trú ở trường Janson de Sailly cho đến lớp Dự Bị Thi tuyển vào trường kỹ sư.

Chưa kịp thi, được tin phụ thân mất, ông phải về nước chịu tang và trách nhiệm vai trò con trai trưởng (*cũng là con trai duy nhất*) cai quản sự nghiệp của gia đình với hơn ba ngàn mẫu ruộng lúa. Nhưng ông quyết định ủy nhiệm cho người chị trông nom thay thế, để được tự do trở lên Sài Gòn tiếp tục tranh đấu chống thực dân, giành độc lập cho nước nhà.

Ông đã hợp tác hoạt động với ông Tạ Thu Thâu ngay lúc còn ở Paris, khi ông Tạ Thu Thâu vừa đậu Tú Tài ở Việt Nam, sang Pháp cùng năm ấy để tiếp tục học.

- Dẫn thân

Năm 1940, ông tham gia Nam Kỳ Khởi Nghĩa, bị thực dân pháp bắt bỏ tù,

Năm 1945, ông làm Chủ tịch Mặt Trận Việt Minh Giá Rai, Bạc Liêu,

Năm 1946, ông đắc cử Quốc Hội VNDCCH tại đơn vị Bạc Liêu, với số phiếu đứng thứ nhì, sau Hồ Chí Minh ở miền Bắc,

Từ 1947 đến 1954, ông tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong kháng chiến, ông lần lượt nắm giữ các chức vụ thông tin văn hóa: xuất bản các báo Chống Xâm lăng, Tiến Lên, Thống Nhất, ... ở các chiến khu Vườn Thơm, Đồng Tháp Mười, Cà Mau.

Ly khai Việt Minh trở về Sài Gòn ngày 14 tháng 7 năm 1954. Ông được Chánh quyền Ngô Đình Diệm mời làm cố vấn chánh trị cho Chiến dịch Trương Tấn Bửu. Chiến dịch vừa kết thúc, ông liền bị Chánh quyền Ngô Đình Diệm bắt giam ở Gia Định,

Mãn hạn giam, ông về nhà sum họp gia đình và đi dạy học tại các Tư Thục ở Sài Gòn. Sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ, ông xuất bản Tuần báo Chân Trời, góp thêm một tiếng nói thiểu số cho sinh hoạt chánh trị Sài Gòn lúc bấy giờ..

- Tác phẩm

- Nghề làm báo,
- Tạ Thu Thâu, từ Quốc gia đến Quốc tế,
- Tàn nhẫn (sáng tác),
- Đi tìm chủ nghĩa cộng sản,
- Lau Giã Mơ Bóng Rừng Trinh (thơ).

Ông mất vì bệnh già, năm 1985 tại Sài Gòn.

- Việt Minh và ly khai

Ông là con trai duy nhất trong gia đình, sở hữu chủ hơn ba ngàn mẫu ruộng lúa ở Bạc Liêu, nhưng ông cương quyết khước từ vị thế nghiệp chủ để tránh mang tiếng “địa chủ bóc lột ” và phải đầu hàng giai cấp.

Dưới thời Đệ I Cộng Hòa, luật Cải Cách Điền Địa ban hành, ông có quyền hưởng 100 mẫu và tiền trấu hữu, nhưng một lần nữa, ông lại bỏ qua cơ hội, vẫn sống nuôi gia đình với đồng lương giáo chức tư thực.

Qua Đệ II Cộng Hòa, với Luật Người Cày Có Ruộng, mỗi người được 5 mẫu để tự canh tác, ông vừa kịp hội đủ giấy tờ thì những biến cố dồn dập xảy ra... Rồi đến ngày 30 thanh 4 năm 1975. Mất tất cả.

Lúc còn trong hàng ngũ Việt Minh, nhờ làm Thông Tin, ông theo dõi được những tin tức bên ngoài, nên ông có thì giờ chuẩn bị hoàn cảnh thích hợp cho việc ly khai Việt Minh.

Ông tập chèo ghe mỗi ngày, chèo ra sông Cái, đi và về Cà Mau, để cho mọi người quen mắt khi thấy ông một mình trên chiếc ghe nhỏ. Gần cận ngày quyết định, ông đưa gia đình từ Sài Gòn xuống ở chơi dài hạn, như là ông đang chuẩn bị đem cả gia đình sống luôn trong chiến khu.

Ông phải ra về trước ngày Hiệp định đình chiến ký kết 21/07/1954, tại Genève, để không bị Hiệp định chi phối, làm mất tư cách người đi kháng chiến chống thực dân chỉ vì lòng yêu nước trên hết. Hơn nữa, ông phải ra về kịp lúc, để Hiệp định không làm tổn thương đến trách nhiệm tinh thần của một Đại biểu Quốc hội đã được sự tin nhiệm tuyệt đối của dân chúng trong kháng chiến, mà không thể có tiếng nói về số phận của đất nước bị quyết định bởi các cường quốc với sự đồng tình của Hà nội.

Ông phải chạy đua với thời gian. Thế mà ông mất đến 9 lần mới ra về được, khi trước mắt chỉ còn có một tuần lễ là Hiệp định ký kết.

Cứ mỗi lần chèo xuống ra gần tới chợ, ông trông thấy đồn tây, tai nghe tiếng súng “cắc bùm”, lòng xốn xang, không còn đủ can đảm đưa chiếc ghe tiến tới để có thể bước chân lên bờ:

“ ... Phút giây đoạn tuyệt, hết rồi ở Anh!

Chín năm trường chiến đấu tranh

Hôm nay em quyết dứt tình ra đi ... ”

(Dứt tình, thơ Điền Nguyên, 9/7/54)

Đến lúc thực dân Pháp trở lại theo thỏa ước 6/3 của Hồ Chí Minh, những người kháng chiến phần lớn rút vào chiến khu.

Biết bao người chết trên chiến trường, chết vì bệnh, thiếu điều kiện chữa trị và thuốc men?

Biết bao người bị cộng sản sát hại trong kháng chiến vì bất đồng chánh kiến? Vì không chịu trở thành cộng sản? Còn biết bao người khác chỉ muốn đi kháng chiến giành độc lập, bắt đắc dĩ trở thành cộng sản?

Trường hợp ông Nguyễn văn Đính rời bỏ chiến khu trở về, vô cùng khó khăn: vừa tranh đấu với cộng sản, vừa tranh đấu ngay với nội tâm của chính mình!

- Nhà thơ Điền Nguyên: Lau Giã Mơ Bóng Rừng Trinh

Ngoài những tác phẩm vừa biên khảo, vừa sáng tác bằng văn xuôi, ông Nguyễn văn Đính còn có thêm một tập Thơ, dưới bút hiệu Điền Nguyên, địa danh nơi sanh quán của ông.

Tôi nói ông là nhà thơ hay thi nhân, mà không là thi sĩ, vì ông làm thơ theo kiểu “tài tử”, tức làm thơ để giải bày tâm sự, những cảm xúc của mình, và mượn đó để kết bạn tâm giao, đồng điệu.

Ông quan niệm thơ:

Thơ là một bản nhạc không âm thanh

Thơ là một bức họa không màu sắc.

Tập thơ **Lau Già Mơ Bóng Rừng Trinh** gồm những bài thơ gần như đủ thể loại: thơ mới biến thể, thơ cổ điển, có cả những bài thơ đố vận, những bài thơ mà mỗi câu có tên một loài hoa hoặc tên một người, những bài thơ đố ngược, xuôi, ... Sau cùng là những bài thơ họa.

Để kết thúc lời giới thiệu thi phẩm, ông mượn bài Lương Châu Từ để diễn tả tâm trạng nhiều ray rứt của ông khi nhớ lại 60 năm trước, ông cũng như bao nhiêu người khác, thuộc đủ thành phần xã hội, hăm hở dấn thân đi theo Việt Minh làm kháng chiến:

*“ ...Túy ngọa sa trường quân mạc tiểu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi? ”.*

Nay ông thấy lạnh buốt cõi lòng trước cảnh đất nước tóc tang, đầy bãi tha ma do chiến cuộc kéo dài, để rồi đất nước bị cắt chia! Ông tự hỏi có mấy người ra đi được trở về? và, như vậy để phục vụ cho ai?

*“... Ánh trăng trải ngọc đường làng
Em như tỉnh giấc mơ màng, ở Anh!
Sông dài cuộn cuộn uốn quanh
Lòng em như nước lạnh tanh đi rồi!*

*... Chín năm trời!
Trải qua hơn nửa cuộc đời vì ai?*

*... Thoát nghe tiếng vạc ăn đêm gọi đàn
Bàng hoàng như rụng mắt mơ màng
Mơ màng rồi tới kinh hoàng, Anh ơi! ”
(Dứt tình)*

Đã biết xưa nay người ra đi chinh chiến mấy ai được trở về, thế mà ông vẫn dấn thân, không đắn đo lợi hại cho bản thân, cho gia đình. Sự dấn thân đó không phải là thái độ của kẻ liều mạng, mà dấn thân đáp ứng một cái gì thiêng liêng réo gọi. Không quan tâm đến thành quả để không làm vẩn đục cái thiêng liêng kia...

Cụ Phan văn Hùm cũng cùng tâm trạng. Ra đi không hẹn ngày về. Chỉ kịp căn dặn người vợ hiền ở lại nhà “chấp kinh” hay phải “tùng huyền”. Cụ đều tôn trọng sự chọn lựa đau lòng ấy. Bởi Cụ cũng như những người yêu nước khác, lúc bấy giờ không khác gì thân phận của con ve khắc khoải đợi chờ giọt sương mùa hạ, cũng như bầy chim nhạn phải vội vã bay đi trốn tuyết khi trời vừa mới sang thu:

*“...Trốn tuyết đầu thu thương nỗi nhạn,
Chờ sương giữa hạ tội thân ve ... ”
(Thơ Phan văn Hùm)*

Tình gia đình tuy thiêng liêng nhưng trước nợ nước trở thành tiểu tiết. Tình yêu đất nước mới là đại nghĩa. Mà theo đạo lý Việt Nam, xưa nay, đại nghĩa vẫn trên tiểu tiết, khi “ đất nước trông ra luống nào nê, *Thơ PVH*”.

Có người phê bình sự dấn thân của các Cụ là thái độ lãng mạn của người tiểu tư sản.

Đúng! Chỉ có kẻ lãng mạn mới dám dấn thân tranh đấu mà không hề bận lòng đến chuyện thành bại. Hiện tại, họ sẵn sàng khước từ sự nghiệp, công danh đang có hoặc ở tầm tay. Họ từ chối cái họ CÓ để chạy theo cái CHƯA CÓ, như ĐỘC LẬP, như TỰ DO. Quả thật họ là những con người đầy chất lãng mạn. Nhưng phải nói sự chọn lựa của họ mới thật sự phát xuất từ lòng yêu nước tinh ròng:

“ ...Chín năm trời!
Hi sinh hơn nửa cuộc đời vì ai?
Bắc Nam hăm mấy triệu người
Chín năm trường chiến vì ai đây mà?
Phải vì thống nhất quốc gia?
Phải vì dân tộc mới ra chiến trường?
Hôm nay ngoảnh lại quê hương
Toan chia sông núi lót đường cho ai? ”.

Trước thực tế phủ phàng, kháng chiến bị phản bội, nhà thơ Điền Nguyên, sau khi quyết định rút về thành, không thể làm gì khác hơn nên đành tự an ủi:

“Anh là ánh sáng nguồn khơi
Là hoa chớm nở đón ngày Xuân sang
Em như cánh én lạc đường ...”

Ra về sống dưới mái gia đình, sum họp trong cảnh vô cùng đạm bạc. Ông đi dạy học cho vài Tu Thục ở Sài Gòn, vừa có đồng lương hàng tháng, vừa có bạn trẻ để tâm sự, hàn huyên, đợi chờ hoa nở để đón nàng Xuân!!! Nhưng bóng dáng nàng Xuân vẫn còn biền biệt!!!

Trong cuộc sống mới ở giữa thủ đô, ông không bỏ qua bất cứ biến cố nào xảy ra trên đất nước Việt Nam. Mỗi lúc ấy, ông cùng với các bạn trẻ gặp nhau phân tích tình hình, thảo luận. Lúc nào ông cũng khuyên đàn em, đàn cháu nên bình tĩnh, thận trọng thái độ.

Nhóm Caravelle là bạn của ông.

Về thơ họa của nhà thơ Điền Nguyên, có bài thơ sau đây tưởng rất đáng nhắc lại làm quà cho độc giả yêu thơ ngày nay. Đó là bài thơ ông họa bài “ Đền Kiếp Bạc” của Hồ Chí Minh:

Chí hùng khai quốc tạo anh hùng
Bởi nghiệp Rồng Tiên, nghiệp kiếm cung
Rạch máu biên cương dương cánh bạc
Khơi nguồn Âu Việt định danh Hồng
Kết tinh một bọc, hồn dân tộc
Vá víu năm châu, xác Đại đồng
Nếu Đức Trần thiêng, cười ý bác
Thành danh, chưa hẳn đã thành công!

Nhà thơ Điền Nguyên muốn gợi tâm sự của mình qua thi phẩm **Lau Già Mơ Bóng Rừng Trinh**. Cái tâm sự sâu thẳm vẫn là tách mình ra khỏi gọng kìm lịch sử của đất nước: ly khai với cộng sản, trở về với đời sống bình thường mà không mang tiếng đầu hàng giặc, vẫn bảo vệ nguyên vẹn cái danh dự, cái thiên chức cao quý của người kháng chiến chỉ vì lòng yêu nước thôi thúc... Cho ông. Cho bao nhiêu những người khác đồng cảnh ngộ với ông, hoặc đã ra đi không hẹn ngày về!

Cái lãng mạn của ông Nguyễn văn Đính, người kháng chiến chống thực dân, được nhà thơ Điền Nguyên phơi bày qua một bình diện khác, riêng tư hơn, thâm kín hơn, nhưng rất trữ tình. Đó là cái rung động, cái xao xuyến của con tim người yêu nước và đa tình. Chỉ có người đa tình mới biết lãng mạn đúng phong cách. Nhưng sau cùng người đa tình vẫn phải chấp hành lẽ phải của con tim phán quyết. Chọn lựa người bạn trăm năm, ông đã sống trọn vẹn với gia đình và vẫn giữ trọn vẹn nghĩa tình với người bạn tình như một tri kỷ:

“ ...Tình thơ vương vấn đeo theo mãi

Nghĩa cả băng khuâng khó tách rời

Sa Đéc, Cần Giò, hai lầy một

Biết chẳng, chẳng biết, hỏi ai ơi? ”

(Long Điền, 1936 - Sa Đéc, người tình tên Hồng Hoa, Cần Giò, quê của người vợ trọn đời)

II –Tác phẩm “Tạ Thu Thâu: Từ Quốc Gia Đến Quốc Tế”

Tập sách TẠ THU THÂU từ Quốc gia đến Quốc tế (*), bản gốc xuất bản ở Sài gòn năm 1939, gồm 96 trang, chia ra làm 6 Chương với 1 phụ bản của tác giả viết thêm để trả lời quyển sách của ông Nguyễn văn Trấn «**Ai chia rẽ nhóm La Lutte?**» vừa phát hành trước đó vài ngày. Ông Nguyễn văn Trấn, qua quyển sách của ông, ông lên án ông Tạ Thu Thâu và nhóm Trốt-kít (Đệ IV Quốc tế) là phát-xít và phản động, các ông Tạ Thu Thâu, Trần văn Thạch, Hồ Hữu tường, Lê văn Thử phá hoại Đông Dương Đại hội, chia rẽ nhóm La Lutte.

Ngay trong lời tựa, tác giả, ông Nguyễn văn Đính, lên tiếng nghiêm khắc tố cáo những thủ đoạn hiểm khích gay gắt của phe Đệ III Staline đối với nhóm ông Tạ Thu Thâu trong bức thư di chúc của ông Nguyễn Thế Rục. Không thể chấp nhận được những lời phỉ báng ông Tạ Thu Thâu của phe Đệ III, ông Phan văn Hùm đã phải lên tiếng bênh vực ông Tạ Thu Thâu mà không muốn bị hiểu xuyên tạc là ông cố tình tưng bốc ông Tạ Thu Thâu lên hàng lãnh tụ phong trào tranh đấu chống thực dân pháp ở Việt Nam. Thật ra, ông Tạ Thu Thâu có tầm vóc một lãnh tụ. Nhựt Báo (tựa tờ nhựt báo) ngày 16/06/1938 có đăng tin Hội Cứu Tế bên Pháp tình nguyện nhận nuôi con trai của ông Tạ Thu Thâu. Bản tin có câu ở cuối bài «ông Tạ Thu Thâu là người xứng đáng dẫn đạo quần chúng».

Ông Nguyễn văn Đính, tác giả tập sách và là bạn thân của ông Thâu, đã không ngần ngại quả quyết ông Tạ Thu Thâu là «người rất xứng đáng dẫn đạo quần chúng lao khổ ở xứ này. Xứng đáng ở tài bộ cũng như ở tấm lòng trung hậu của ông».

Như vậy, nếu ông Phan văn Hùm và dân Việt Nam có ghi tên ông Tạ Thu Thâu, ngay bây giờ, vào lịch sử tranh đấu chánh trị của xứ này đi nữa thì tưởng cũng không phải là điều quá đáng ».

Vào lúc ông Tạ Thu Thâu bị phe Đệ III công kích, phỉ báng thậm tệ vì ông là người tài giỏi, được lòng quần chúng, ông bị thực dân pháp cầm tù và bị bại liệt mất hết nửa thân mình.

Tác giả lấy làm đau lòng cho hoàn cảnh bi đát của bạn: Tại sao ông Thâu bị liệt bại? Ông Nguyễn văn Tạo cũng ở tù chung với ông Thâu lần trước kia và cũng nhịn đói, mà lại không bị bại liệt nửa thân mình như ông Thâu?

Ông Thâu viết thư cho ông Tổng trưởng Thuộc địa yêu cầu được chữa qua Pháp chữa bệnh nguy kịch này. Nhưng thư của ông không được chấp thuận. Sau đó, ông Thâu được chuyển qua nhà thương Chợ Quán để chữa trị.

Tác giả Nguyễn văn Đính lo ngại bệnh tình của ông Thâu nếu không được chữa trị kịp thời và đúng thầy, đúng thuốc, sẽ khó tránh dẫn đến thần kinh của ông bị rũ liệt, biến ông trở thành một con người hoàn toàn không còn khả năng tranh đấu nữa.

Có lẽ sự lo sợ này đã thúc đẩy ông Nguyễn văn Đính viết tập sách về Tạ Thu Thâu để ghi lại, tuy có vội vàng, «một giai đoạn trong đời chánh trị của ông Thâu, như là cách hoạt động của ông, lòng thành của ông đối với giai cấp vô sản từ năm 1928 tới bây giờ. Tới đây, ai cũng thấy ông Thâu tận tụy với chủ nghĩa của ông, đã hi sinh đời ông cho giai cấp vô sản là đủ. Người Việt Nam có thể coi ông Tạ Thu Thâu như mười năm trước họ đã từng tôn sùng 2 nhà ái quốc tranh đấu cho chủ nghĩa quốc gia Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh».

Quan niệm viết về Tạ Thu Thâu của ông vì vậy mà khác hẳn với ông Phan văn Hùm.

Không riêng gì ông Tạ Thu Thâu bị phe Staline phỉ báng và công kích là phát-xít, phản động, trước đó hơn mười năm, ông Nguyễn An Ninh cũng bị lên án đầu hàng thực dân khi ở trong tù ông viết hai bức thư xin ân xá. Người ta vội quên công lớn của ông Ninh gây dựng lên phong trào tranh đấu đòi độc lập cho Việt nam.

Theo tác giả Nguyễn văn Đính, ông Nguyễn An Ninh là người đã sớm đem lại cho ông và ông Thâu cái hiểu biết khai tâm về chánh trị và hoạt động chánh trị ái quốc. Vì cũng là bạn tranh đấu chung, tác giả hiểu rõ tư tưởng của hai người nên nhận xét ông Ninh khác hẳn với ông Thâu. Ông Ninh là một trí thức ái quốc, ngay thẳng, bất bình cái chế độ cai trị ở cái xứ này, đứng lên hô hào tranh đấu chống thực dân. Ông không phải là một chiến sĩ tranh đấu cho lý tưởng cộng sản Đệ III hay Đệ IV gì hết, trong lúc đó ông Thâu là một chiến sĩ kiên cường tranh đấu cho lý tưởng giai cấp vô sản. Theo tác giả, có hiểu rõ như vậy, người ta mới hiểu tại sao ông Ninh viết 2 bức thư kia.

Sau khi nói về trường hợp ông Thâu là nạn nhân của phe Staline, tác giả nhắc lại nhiều trường hợp khác những người Đệ IV bị Staline trừ dập, ám hại và được giải thích lý do bằng những lời khai dối trá do Staline giàn dựng lên để buộc tội. Ngoài ra, Staline còn xử dụng độc dược để hủy hoại cơ thể con người. Nên tác giả nghi ngờ ông Thâu bị bại liệt nửa thân người lúc ở tù là có thể do những người cộng sản Việt nam theo phe Staline ở tù chung đầu độc.

Sau này, thế giới đều biết cách ám hại những người bất đồng chánh kiến của Staline là cho họ vào nhà thương điên. Cách này ngày nay, cộng sản hà nội thường áp dụng cho những người tranh đấu đòi dân chủ và nhân quyền ở Việt nam.

Cộng sản thường lên án phát-xít là tàn ác. Nhưng Hitler mới dựng chế độ quốc xã sau này nên chắc chắn đã phải học được cái gian ác đã man từ Lê-nin và Staline.

Ông Nguyễn An Ninh đã nhiệt tình vận động cho ông Bùi Quang Chiêu, Chủ tịch Đảng Lập Hiến có xu hướng thân Pháp, về nước được dân chúng tiếp rước tưng bừng. Hành động này nói thêm lập trường tư tưởng chánh trị của ông Ninh là trước sau chỉ tranh đấu cho Việt nam được độc lập mà thôi.

Tác giả kết luận về 2 người bạn Nguyễn An Ninh và Tạ Thu Thâu: muốn xét Nguyễn An Ninh, phải đứng trong khuôn khổ một nhà trí thức ngay thẳng, bất bình cái chế độ này. Muốn xét đoán Tạ Thu Thâu, phải đứng trên nền tảng lao động quốc tế.

Khi viết tập sách **Tạ Thu Thâu Từ Quốc Gia Đến Quốc Tế**, tác giả Nguyễn văn Đính chỉ chú trọng những hành động chánh trị của Tạ Thu Thâu mà thôi.

Tạ Thu Thâu Quốc gia

Năm mà tập sách **Tạ Thu Thâu Từ Quốc Gia Đến Quốc Tế** xuất bản, ông Tạ Thu Thâu được 33 tuổi.

Ông sanh trưởng trong một gia đình nghèo, đông con, cha làm nghề thợ mộc trong địa phương. Lúc nhỏ, ông khi đi chăn vịt, khi theo người lớn đi bắt cá, tôm trong sông rạch để phụ thêm bữa ăn gia đình.

Theo cha lên tỉnh làm việc, ông bắt đầu đi học vì ông không còn tiếp tục đời sống như lúc ở nhà quê nữa.

Lúc học Lớp Nhì, ông Thâu bắt đầu đi dạy học cho trẻ em con nhà giàu trong làng vào dịp bãi trường để kiếm tiền phụ thêm gia đình và để dành cho kỳ nhập học tới.

Năm 14 tuổi, ông thi đậu văn bằng Sơ học. Có mảnh bằng trong tay, ông hẳn hái với ý định tìm việc làm. Vì lúc bấy giờ, người có bằng cấp Sơ học không phải là nhiều và có được khả năng đủ làm

thư ký công sở hoặc tư sở. Nhưng mới có 14 tuổi nên không ở đâu chịu thân nhận ông vào làm việc. Không còn cách gì khác hơn là tiếp tục học lên nữa. Ông định thi học bổng vào học Trường Tây Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn. Việc thi, ông chắc đậu. Nhưng tiền đâu để đi lên Sài Gòn ở và đi thi? Trước tình cảnh của con, cha của ông lấy làm đau khổ nên đã tự tử. May nhờ có người trông thấy cứu sống.

Nghe chuyện thương tâm của con nhà nghèo học giỏi, một ông Quản mã-tà và một Thầy Thông giấy thép góp tiền lại cho ông lên Sài Gòn thi. Đậu học bổng rồi, ông quay trở về tiếp tục dạy học để kiếm tiền dự bị cho ngày nhập học.

Cuối năm thứ ba chương trình Trung học Đệ nhất cấp, ông Thâu thi đậu vừa bằng Brevet Elémentaire và bằng «Diplôme», tức bằng Thành Chung (Diplôme d'Etudes Primaires Supérieures Indochinoises=DEPSI; còn bằng Sơ học là Certificat d'Etudes Primaires Supérieures Indochinoises=CEPSI).

Ông Thâu cũng chỉ mới có 17 tuổi, thiếu 1 tuổi mới có thể đi làm việc. Đi học nữa có Nhà nước nuôi nên ông thi lên ban Tú Tài. Hết năm thứ nhất ban Tú Tài, ông đậu luôn bằng Brevet Supérieur. Đây là một bằng cấp rất khó thi đậu. Người có bằng cấp này đủ đi dạy Trung học Đệ nhất cấp. Và ông Thâu tính đi dạy học giúp gia đình. Nhưng cha của ông muốn ông phải học lên nữa. Thế là ông tiếp tục học xong ban Tú Tài.

Năm ông đậu bằng Brevet Supérieur, cả Đông dương chỉ có một mình ông đậu nên ông Grandjean, Chánh chủ khảo, ân cần mời ông dạy học cho Nhà nước và sẽ xin cho ông lấy quốc tịch Pháp luôn.

Tạ Thu Thâu từ chối.

Ông đã xếp đặc cuộc đời của ông rồi. Ông chỉ cần lấy bằng Brevet Supérieur để đi dạy học và còn thì giờ lo hoạt động chánh trị. Ông không muốn ra Hà Nội học vì cái học ở đó cốt đi làm « quan hành chánh cho Tây » mà thôi.

Nhưng cuộc đời đi dạy học tư của ông nào có được yên thân đâu mặc dầu ông được tiếng là một ông thầy tận tâm và dạy giỏi ở trường Nguyễn Xích Hồng vì vài hôm thì bị bắt rồi được thả ra. Sau cùng, ông phải ngưng dạy học vì bị nhà cầm quyền thực dân đày biệt xứ (đày qua địa phương khác).

Sau phong trào rước Bùi Quang Chiêu, đưa đám tang cụ Phan Chu Trinh, sau những cuộc biểu tình, đình công lớn, học sinh bãi khóa ở Sài Gòn, ông Thâu thấy cần phải mở rộng sự hiểu biết thêm nhiều nữa. Ông chuẩn bị qua Pháp học thêm và đồng thời mở mang kiến thức tranh đấu chánh trị. Ông bắt đầu đọc về mác-xít.

Tới Paris, ông gặp ông Nguyễn Thế Truyền, người mà lúc còn ở Sài Gòn, ông có dịp đọc báo Việt nam Hồn. Ông Nguyễn Thế Truyền đang hoạt động đảng Độc lập của ông. Khi ông Truyền về Việt nam, ông Thâu tổ chức lại đảng Độc Lập để làm nơi tụ họp thợ thuyền và sinh viên.

Theo tác giả Nguyễn Văn Đính, ông Tạ Thu Thâu đến đây là người Quốc gia vì ông chưa có những hoạt động cụ thể theo đường lối quốc tế vô sản cũng như chưa gia nhập một tổ chức cộng sản nào cả? Hay vì ông Thâu trước khi qua Pháp đã từng tham gia những hoạt động như tổ chức đón rước ông Bùi Quang Chiêu, dự đám tang Cụ Phan Chu Trinh, tham gia những cuộc đình công, bãi khóa của học sinh mà được xem là người Quốc gia?

Ông Thâu chưa tham gia một tổ chức quốc tế, nhưng tư tưởng của ông lúc nào cũng hướng về giai cấp vô sản, những người cùng khổ. Và có một điều không thể phủ nhận ở ông Thâu: ông trước sau vẫn là người yêu nước chơn chánh. Vậy phải chăng xu hướng của ông về giai cấp vô sản là một cách thể hiện lòng ái quốc, vì Việt nam vốn là một nước nghèo, phần lớn dân chúng bị các thế lực

thực dân áp bức, bóc lột? Giải phóng được giai cấp bị áp bức là cởi bỏ được sự đô hộ ngoại bang, đem lại độc lập cho nước nhà?

Giữa Quốc gia và Quốc tế

Trong tập sách **Tạ Thu Thâu Từ Quốc Gia Đến Quốc Tế**, qua lời ông Phan văn Hùm thì Tạ Thu Thâu thật sự biết chủ nghĩa quốc tế, tức cộng sản, là từ năm 1928 khi ông đi tìm chủ nghĩa quốc gia.

Năm 1927, ông Hoàng văn Dụ, người Đệ IV, khuyên ông Thâu nên qua Nga học hỏi cách tranh đấu cách mạng, nhưng ông Thâu không đi vì muốn ở Pháp học hỏi và tìm hiểu xã hội pháp. Qua lần sau, năm 1928, ông Nguyễn Thế Rục, của cộng sản, khuyên ông đi Nga, ông dứt khoát từ chối vì ông đã nghe những vụ xung đột, thanh toán nhau giữa Staline và Đệ IV. Lúc này, ông Thâu bắt đầu đọc sách vở của Trotsky xuất bản. Ông có xu hướng theo phe Trotsky, cũng tả phái, nhưng đối lập với phe Staline.

Ông bắt đầu tổ chức một nhóm cộng sản trong đảng Độc Lập để hoạt động chung với những người của Staline và Quốc gia. Chỉ ít lâu sau, đảng Độc Lập bị giải tán. Đây là cơ hội cho ông Thâu tổ chức Liên đoàn cộng sản, tức đảng Công nhân Quốc tế ở Pháp. Và cũng vào lúc này, một bộ phận Đệ IV đang manh nha ở Đông dương.

Ở Pháp, ông đi hô hào cho Phong trào phản đế khi thì ở Bâle (Thụy sĩ), khi thì ở Bá-ling nên giới sinh viên an-nam không ai mà không biết ông Tạ Thu Thâu.

Kịp đến vụ Yên-bái xảy ra và tin Tòa Đê-Hình xử tử hình 19 nhà ái quốc của Việt nam Quốc dân đảng, ông lập tức đứng lên kêu gọi người Việt nam ở Pháp, không phân biệt chánh kiến, thành phần, tức cả người cộng sản phe Staline, cùng họp nhau đi tới trước dinh Tổng thống Pháp biểu tình phản đối bản án. Chính ông Tạ Thu Thâu là người đề xuất và hướng dẫn việc này, chớ không phải do cộng sản Đệ III Staline tổ chức như những thông tin tuyên truyền sai sự thật.

Lúc nào ông Tạ Thu Thâu cũng sẵn sàng phản ứng cho chánh nghĩa Việt nam, vượt trên màu sắc đảng phái, nên ông bị phê bình là người quốc gia. Mà thật ông theo chủ nghĩa Quốc gia thuở nhỏ. Khi còn ở Việt nam, ông luôn luôn biểu hiện lập trường tư tưởng của ông chống lại chế độ thực dân đô hộ. Hơn nữa, ông đã sớm ý thức chánh trị thương nước từ lúc mới học năm Thứ Nhứt Trung học tại Trường Bồn quốc Chasseloup-Laubat, có lẽ nhờ giáo sư Nguyễn văn Bá khơi dậy lòng ái quốc ở ông. Năm ấy, ở Việt nam chưa có bóng dáng cộng sản thì làm sao ông biết được cái gì là thuyết giai cấp vô sản, chủ nghĩa quốc tế? Sự sớm giác ngộ chánh trị của ông không gì khác hơn là phản ứng từ lòng ái quốc của một thanh niên con nhà nghèo và lương thiện.

Phong trào Nguyễn An Ninh với tờ báo Chuông Rè, Phong trào Nguyễn Phan Long với vụ biểu tình ở Chợ Lớn, đã kích thích mạnh mẽ lòng ái quốc ở ông thêm sôi sục. Nhưng ông đã cảm nhận như có cái gì không thật sự thỏa mãn ông trong tầm nhìn về tương lai cho công cuộc tranh đấu. Hằng ngày ông cứ nghe vang bên tai những lời kêu gọi « Hỡi đồng bào! Ai là giống lạc hồng, hãy ngó lại giang san tổ quốc, ... ». Ngó lại, rồi phải làm gì, cách nào, ... không thấy nói rõ ra.

Ông Tạ Thu Thâu hết lòng cảm phục tiết tháo của Cụ Phan Bội Châu trước Tòa án thực dân. Lòng ái quốc của ông được nung nấu thêm. Đây là lúc, ông thật sự dần thân công khai hoạt động chống thực dân pháp tại Việt nam. Ông mang băng tay vàng, đại diện đảng An-nam trẻ đón rước ông Bùi Quang Chiêu và tham dự đám tang Cụ Phan Chu Trinh.

Qua năm 1927, ông cùng với vài người bạn cho ra tờ báo Nhà Quê. Tựa tờ báo bộc lộ suy nghĩ của ông không phản phát chút gì về giai cấp, về quốc tế.

Khi qua tới Paris, ông ghi danh theo học Toán ở Đại học Sorbonne. Nhưng chỉ ít lâu sau, ông nhận thấy Văn bằng Cử nhân Toán cũng sẽ không thỏa mãn hoài vọng của ông. Ông bỏ học, lui tới những Câu Lạc bộ Nghiên cứu và nhờ đó ông quen biết được những nhà văn xã hội có tiếng, trong đó có ông Daniel Guérin là người hết lòng quý trọng ông và trở thành bạn thân của ông.

Đến cuối năm 1928, Tạ Thu Thâu bắt đầu tham dự những buổi hội thảo chánh trị tại các cà-phê khu la-tinh hay ở Hội Bác học. Ông tranh luận hùng hồn với nhóm bảo thủ hoặc với phe cộng sản Staline. Ông nắm vững học thuyết mác-xít làm các bạn của ông hết sức ngạc nhiên Từ những cuộc tranh luận này, ông bắt đầu ngờ vực chủ nghĩa Quốc gia. Mỗi lần có hội nghị, ông được đề cử đi tham dự. Sau lần tham dự hội nghị phản đế ở Francfort về, Tạ Thu Thâu thấy chủ nghĩa quốc gia không còn đủ sức thuyết phục trong tình hình hiện nay. Nhưng theo hẳn chủ nghĩa quốc tế vô sản, tức mác-xít, thì phải từ bỏ quốc gia sao? Mà không theo chủ nghĩa quốc gia thì mình còn giữ được lòng ái quốc không? Còn tranh đấu cho Việt nam không?

Ông cứ mãi đắn đo ...

Tạ Thu Thâu Quốc tế

Đến năm 1930, sau thời gian chuyên cần tìm đọc về mác-xít, Tạ Thu Thâu một hôm bắt gặp trong Tạp san Sự Thật (La Vérité) của nhóm trotskiste ở Paris, có chừng mười người, một bài phê phán chế độ thuộc địa mà ông cho là đúng đắn. Ông đạt lý và xin gia nhập nhóm Đệ IV. Từ nay, ông hoạt động theo đường lối của Đệ IV và mục tiêu thấy rõ.

Tham dự biểu tình phản đối bản án tử hình của các nhà ái quốc VNQDD, ông cùng với các bạn bị nhốt hết 8 ngày ở nhà tù Santé của Paris. Ra tù, tất cả bị trục xuất về nguyên quán.

Về Sài gòn, chỉ thấy có 2 ông Nguyễn văn Tạo và Trần văn Thạch công khai hoạt động. Nhóm Đệ III rải truyền đơn công kích Tạ Thu Thâu và kêu gọi dân chúng đừng nghe lời của ông.

Báo La Lutte ra đời để cổ động cho liên danh Lao động ứng cử Hội đồng thành phố. Sau đó, La Lutte đình bản.

Qua năm 1934, có Ủy Ban Điều tra Thợ thuyền Pháp qua Việt nam muốn ở đây có một cơ quan ngôn luận báng tiếng pháp để bênh vực thợ thuyền. Ông Nguyễn An Ninh cho biết phía Đệ III không có người khả dĩ đủ khả năng điều khiển tờ báo tiếng pháp như vậy nên muốn làm phải nhờ tới những người Đệ IV. Khi 2 bên hợp tác phải tôn trọng nguyên tắc chung là chỉ bênh vực quyền lợi lao động mà thôi. Cả hai phe, không ai được phép lợi dụng tờ báo tuyên truyền riêng cho phe cánh mình. Chỉ được ít lâu, cộng sản Staline ở Sài gòn vâng lệnh Đệ III Quốc tế ở Paris xung đột với phe Tạ Thu Thâu, tách ra làm tờ Tiền Phong (L'Avant-Garde). Cùng lúc đó, ông Dương Bạch Mai cũng vì hành động theo lệnh của cộng sản Paris mà bị Tây thuộc địa bỏ tù.

Sau vụ hợp tác với Đệ III tang rã, ông Tạ Thu Thâu đi dạy học ở các trường Trung học tư Huỳnh Khương Ninh, Chấn Thanh và được tiếng là một giáo sư giỏi.

Tháng 5/1932, ở Tân Định có cuộc diễn thuyết về phổ thông đầu phiếu. Người ta thấy ông xuất hiện diễn thuyết và được dân chúng hoan nghênh nhiệt liệt tài hùng biện của ông. Qua tháng 8, ông bị bắt. Theo lời buộc tội của Tòa án, ông Thâu muốn lập đảng tả đối lập ở Đông dương, tức đảng cộng sản đối lập với Đệ III Staline. Khi ông Phan văn Hùm và Lê văn Thử xuất bản tờ Đồng Nai, thỉnh thoảng độc giả được đọc bài của ông. Và dân chúng đi nghe ông diễn thuyết về biện chứng pháp.

Đến đây, tác giả Nguyễn văn Đính xác nhận ông Tạ Thu Thâu thật sự trở thành người Đệ IV Quốc tế. Và tác giả nhận xét một cách quả quyết là không có ai, với tinh thần phê phán độc lập, có thể chê trách được ở ông Thâu một điều gì hết cả.

Tạ Thu Thâu trước Tòa án thực dân

Ông bị giải ra Tòa. Trước Dự thẩm, hai tay bị còng, ông tự kéo ghế ngồi xuống và mở lời trước «Hôm nay, có chuyện lỗi thôi, tôi phải gặp ông. Và tôi chắc trên đường đời của tôi, tôi sẽ còn gặp ông nhiều lần nữa». Cung cách của ông làm cho ông Dự thẩm phải nể nang. Và quả thật như lời tiên đoán của ông. Từ năm 1935, Tòa án với ông giống như đôi tình nhân. Cơm không lành, canh không ngọt mà thôi nhau không được nên cứ phải dang dít với nhau hoài.

Tháng 12/1935, sau vụ làm reo của anh em đánh xe thổ mộ, ông cùng với các bạn khác như ông Trần văn Thạch bị Tòa xử về tội viết báo xúi dục dân chúng phá rối trị an dựa theo Nghị định Varenne. Năm sau, ông bị ra Tòa lần nữa cũng về tội «viết báo xách động dân chúng phá rối trật tự».

Một mặt ông Thâu bị Chánh quyền bắt, mặt khác, ông còn bị phe Đệ III tìm đủ mọi cách công kích và ám hại.

Trong một bức thư gửi cho bạn, ông Daniel Guérin, ông Thâu viết rõ «Những người lao động ở đây đều biết rõ thủ đoạn của Violette, Moutet và bọn Staline đối với chúng tôi rồi. Chúng tôi cứ thẳng đường đi tới Đó là điều tôi xin anh cho những người đó hiểu».

Đến tháng 7 năm 1937, ông Tạ Thu Thâu bị bắt cũng vì một bài báo lên tiếng cho lẽ phải đăng trên La Lutte. Từ đó đến nay, ông ở trong nhà tù liên tục. Nhưng lần này, ông bị bắt vì bị khép tội có liên hệ đến vụ Hòa xa đình công. Ở trong tù, ông tuyệt thực phản đối sự bức bách của Chánh quyền để đòi quyền tự do phát biểu chánh kiến của mình. Tình trạng sức khỏe của ông lần lần suy sụp.

Tác giả Nguyễn văn Đính bênh vực ông Tạ Thu Thâu cho rằng ông Thâu bị ở tù vì hoạt động cho cộng sản, thì phải hiểu cộng sản có nhiều thứ: thứ khát máu như phe Staline, thứ đều giả như Doriot, thứ đàn áp dư luận và khủng bố như Dương Bạch Mai. Họ là cộng sản nhưng đều phản cách mạng với Lê-nin.

Tạ Thu Thâu với dư luận

Đặt ông Tạ Thu Thâu trước dư luận trong và ngoài nước, ông Phan văn Hùm phê phán « Thâu có nhiều thù địch về chánh trị, Thâu chưa có ai oán ghét về cử chỉ và hành động ».

Tác giả Nguyễn văn Đính đã thử làm một cuộc dò hỏi dư luận về ông Thâu qua các giới ở Sài gòn: từ vũ nữ, công chức Tây, thương gia đến giới lao động, chưa thấy có ai oán ghét ông. Chỉ vì ông là một người ngay thẳng, lương thiện và tận tụy với mọi người. Với cả những người cộng sản Staline, vâng lệnh cộng sản ở Paris, thường xuyên âm mưu ám hại ông nữa.

Tạ Thu Thâu và bản năng vô sản

Về bản chất, ông Phan văn Hùm tin tưởng ông Tạ Thu Thâu không thể nào phản bội lại giai cấp của ông. Cứ nhìn lại bên nội, bên ngoại của ông đều nhà nghèo thì thử hỏi làm sao ông hành động ngược lại với thành phần xã hội của ông được. Tuy nhiên ông Phan văn Hùm cũng dè dặt nói thêm trong đời đôi khi cũng không phải không có những người phản bội giai cấp của mình.

Trái lại, tác giả Nguyễn văn Đính không dựa trên thành phần xã hội mà phán xét ông Tạ Thu Thâu. Tác giả căn cứ trên quá trình hoạt động và đức tánh lương thiện của ông Thâu mà phán xét. Từ quốc gia đến quốc tế, ông Thâu luôn luôn gạt bỏ vấn đề tiền tài và danh vọng. Ông tâm huyết dấn thân tranh đấu cho giới lao động nghèo khổ, cho xã hội có công bằng, người không bóc lột người nữa. Nếu ông đi ngược lại mục đích này thì chẳng khác nào ông phản bội con tim của ông.

Tác giả tin ở cái lương tâm xã hội của ông Thâu, điều đã biến chuyển từ tinh thần quốc gia đi tới tinh thần vô sản quốc tế ở ông. Theo Kausky, «cái lương tâm xã hội là một nguyên tố nhập vào tự trong giai cấp vô sản tranh đấu, chứ không phải bỗng dưng mà nó phát hiện ra».

Tác giả kết luận về tư tưởng của Tạ Thu Thâu «Nhờ sự tham gia vào những cuộc giai cấp đấu tranh của Thâu ở Paris và những hoạt động cách mạng thế giới hằng ngày mà lương tâm xã hội của Thâu mới phát hiện ra. Nó giúp Thâu tránh được những hành động phản giai cấp vô sản nhiều hơn là cái di truyền hay cái bản năng vô sản của Thâu».

Nhận xét của người đọc

Đọc qua hết tác phẩm, người đọc nhận thấy một điều khá nổi bật là lúc bấy giờ, để chống lại thực dân pháp, sau khi 2 Cụ Phan thất bại, phải chăng những nhà tranh đấu ái quốc việt nam chỉ có đi theo con đường cộng sản? Đệ III và Đệ IV đều tuyệt đối trung thành với lý thuyết của Lê-nin. Đệ IV chỉ không đồng ý với Staline mà thôi. Không đi với Đệ III vì cho rằng Staline quá gian ác, quá dã man.

Cả hai phe không ai thấy Lê-nin cũng gian ác không thua Staline. Vì năm 1924, Lê-nin đã chết mất rồi?

Nhớ, năm 1917, Lê-nin lên nắm quyền bằng cuộc đảo chánh đẫm máu. Suốt thời gian chuẩn bị đảo chánh cướp chánh quyền, Lê-nin đã nuôi dưỡng trong đầu một mô hình Chánh phủ dựa trên bạo lực chánh trị. Khi cướp được chánh quyền, Lê-nin đem ra thực thi ngay.

Đường lối cai trị của Lê-nin được xây dựng trên lý thuyết khủng bố chánh trị. Theo sử gia chuyên về Liên-sô, ông Nicolas Werth, khái niệm về khủng bố quần chúng của Lê-nin có hai ý nghĩa rõ ràng: khủng bố do quần chúng thi hành và khủng bố tập thể.

Khủng bố là ý niệm trung tâm trong tư tưởng của Lê-nin. Ý niệm về khủng bố trở thành lý thuyết cướp chánh quyền và nắm giữ Chánh quyền để cai trị định hình rất sớm ở Lê-nin, tức vào các năm 1905-1906.

Khủng bố đối với Lê-nin là động cơ làm nên lịch sử, thông qua giai cấp đấu tranh. Khủng bố là chân lý chánh trị. Thủ tiêu «thế giới cũ», tức thanh toán chế độ cũ, quá khứ. Đó là vai trò của bôn-sơ-vít, tức của đảng cộng sản cầm quyền. Lê-nin đã không từng dạy «Chế độ ta lấy nói dối và bạo lực làm quốc sách cướp chánh quyền và cầm quyền. Nói dối để che dấu bạo lực và bạo lực để làm cho nói dối thành sự thật».

Các ông Tạ Thu Thâu, Phan văn Hùm, Trần văn Thạch, và cả tác giả Nguyễn văn Đính, lúc bấy giờ, có lẽ bị ảnh hưởng «Bản Án thực dân » của Lê-nin nên thấy đó là con đường duy nhất giúp họ giải thực giành độc lập dân tộc?

«Bản Án thực dân» của Lê-nin từng đã được nhiều người lấy làm cẩm nang cách mạng chống thực dân. Lê-nin trong Bản Án đã tố cáo chế độ thực dân gây ra những bất công xã hội, chánh quyền chỉ biết đàn áp dân chúng, cai trị bằng bạo lực, ... Dân chúng lâm vào cảnh nghèo đói, bị bóc lột trắng tay không thương tiếc. Chánh quyền hằng ngày dùng bạo lực tước đoạt mọi quyền tự do căn bản của người dân, ...

Nhưng khi cộng sản cướp được chánh quyền và cai trị thì những điều Lê-nin tố cáo trong Bản Án thực dân được người cộng sản áp dụng triệt để và gia tăng lên gấp trăm lần so với thực dân. Thực tế xã hội ở Việt nam ngày nay là điển hình.

Có điều cho đến ngày nay không ai có thể chối cãi hay phủ nhận là các ông Tạ Thu Thâu, Phan văn Hùm, Nguyễn An Ninh, Trần văn Thạch, Nguyễn văn Đính, Trần văn Ân,...đều là những nhà ái

quốc chơn chánh. Họ tranh đấu thật sự cho đất nước dân tộc. Đối với họ, đất nước, dân tộc mới là trên hết, trên cái cộng sản Đệ III hay Đệ IV. Khi nhìn nhận những người này là những nhà ái quốc thì không thể nói cộng sản hà nội từ Hồ Chí Minh là yêu nước được bởi Hồ Chí Minh đã ra tay hạ sát những người này một cách quá dã man vào thời đang cùng nhau sát cánh tranh đấu chống thực dân pháp.

Đọc tác phẩm **Tạ Thu Thâu Từ Quốc Gia Đến Quốc Tế**, người đọc thấy rõ tấm lòng trung hậu với đất nước, với dân tộc và với cả những người cùng khổ ở khắp nơi, như tác giả viết, của ông Tạ Thu Thâu sáng ngời, không vẫn đục bởi tham vọng cá nhân hay phe cánh.

Năm 1924, chỉ có một mình ông đậu bằng Brevet Supérieur và được ông Grandjean mời vào dạy học cho Chánh phủ pháp và xin cho ông quốc tịch pháp. Một điều quá lớn, quá ưu đãi đối với ông Thâu con nhà nghèo. Thế mà ông nhẹ nhàng từ chối.

Chúng ta thử nghĩ nếu Hồ Chí Minh lúc đó được địa vị của Tạ Thu Thâu thì chắc chắn đã không phải vất vả xuống tàu «lắc chèo và lái đĩa bay» (tiếng lóng của dân Đông âu nói làm nghề rửa chén và phụ bếp) để «tìm đường cứu nước» rồi.

Đám Hồ Chí Minh đi làm cách mạng vì gốc du thủ du thực, vốn liếng không có gì khác hơn là cái mạng cùi đem đi thí, may ra cướp được chánh quyền thì kéo nhau ra hưởng phú quý giàu sang. Như ngày nay. Nếu chẳng may không thành công, thì cũng chẳng có gì mất. Chỉ có những người có học thật sự, có hiểu biết, thì mới dấn thân tranh đấu vì lòng yêu nước. Có học hoặc lương thiện mới biết yêu nước.

Riêng trường hợp tác giả, ông đã thấy rõ bản chất cộng sản là gian ác, nên ông đã trốn ra về đúng lúc. Đối với ông, sau khi rời khỏi chiến khu về với gia đình ở Sài gòn, Đệ IV chỉ còn là một quá khứ của thời thanh niên bông bột, nóng lòng tranh đấu cho đất nước thoát khỏi ách thực dân.

Ông trước sau là một người kháng chiến lương thiện, một người ái quốc chơn chánh như các ông Tạ Thu Thâu, Phan văn Hùm, Nguyễn An Ninh, Trần văn Thạch, ...những người này bất hạnh đã lần lượt bị Hồ Chí Minh sát hại.

Đến đây, chúng tôi nhớ lại buổi chiều đến từ giả hai bác Nguyễn văn Đính để hôm sau đi vượt biên như mới vừa xảy ra đây, tuy đã 32 năm dài trôi qua. Bác đưa chúng tôi ra khỏi cửa và nói bằng tiếng pháp: «Bác tin các con đi được an toàn. Bác tin tưởng như vậy. Con đừng quên rồi đây lá rụng về cội».

Bác đã mất. Chúng tôi ngày nay tóc đã bạc. Không biếc ngày mai chiếc lá này sẽ rụng về đâu?

Nguyễn văn Trần

(*) Xin cáo lỗi trong bài «đọc sách» trên đây, người đọc không ghi trích dẫn trang đó là trang số mấy để đọc giả dễ theo dõi vì tác giả đọc ấn bản cũ. Ấn bản này không phổ biến.